TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS - ST
Ngày: 17 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.
2. Bà Dương Thị Vui.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST - TCDS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST - TCDS ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2023/QĐST – TCDS ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Đàm Văn Kh, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Trần Văn Ng, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm 16, thôn Tam Thắng, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phương Thị Th, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 16, thôn Tam Thắng, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh Kh, vắng mặt anh Ng, chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Đàm Văn Kh trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và gia đình anh Trần Văn Ng có xưởng mộc nên trong thời gian từ năm 2018-2021, anh Trần Văn Ng có mua gỗ và gỗ sơ chế thành phẩm của anh Đàm Văn Kh. Hai bên thoả thuận lấy hàng chuyến sau trả tiền chuyến trước và cuối năm chốt sổ, cụ thể theo giấy ghi chép chốt tiền nợ hàng như sau: Nợ cũ 2020 còn lại là 122.537.000 đồng, ngày 28/01/2021 mua vanh là 120.986.000 đồng + 7.812.000 đồng + 5.513.000 đồng. Ngày 20/6/2021 mua vanh 7.293.000 đồng + 79.625.000 đồng + 63.037.000 đồng. Ngày 11/10/2021 mua hàng giá trị 7.022.000 đồng. Ngày 25/11/2021 mua hàng giá trị 6.048.000 đồng. Những lần mua hàng này có chữ ký của anh Trần Văn Ng. Ngày 27/11/2021 mua hàng giá trị 18.410.000 đồng, ngày 05/12/2021 mua hàng gỗ hộp giá trị 4.906.000 đồng + 3.390.000 đồng + 2.031.000 đồng. Những lần mua hàng này không có chữ ký của anh Trần Văn Ng. Tính đến ngày 15/6/2022 anh Ng đã mua số hàng hóa là gỗ của anh Kh trị giá là 448.610.000 đồng (anh Kh ghi sổ giá trị là 448.600.000 đồng). Trong giai đoạn này, anh Ng đã trả anh Kh được 06 lần, cụ thể như sau: Ngày 28/01/2021 trả số tiền là 50.000.000 đồng, ngày 30/5/2021 trả số tiền là 30.000.000 đồng, ngày 19/6/2021 trả số tiền 1.000.000 đồng, ngày 20/6/2021 trả số tiền 50.000.000 đồng, ngày 11/10/2021 trả số tiền 13.000.000 đồng, ngày 25/11/2021 trả số tiền 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 15/6/2022 anh Ng đã trả số tiền mua số hàng hóa là gỗ của anh Kh là 174.000.000 đồng và còn nợ lại là 274.000.000 đồng. Nay anh Đàm Văn Kh có quan điểm đối với số tiền 28.737.000đồng là tiền hàng ngày 27/11/2021 và ngày 05/12/2021 nhưng do không có chữ ký của anh Ng nên anh không yêu cầu anh Ng chị Th phải trả đối với số tiền này. Nay anh Kh chỉ yêu cầu vợ chồng anh Trần Văn Ng chị Phương Thị Th phải trả cho anh Đàm Văn Kh số tiền mua hàng còn nợ là 245.873.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) và anh Kh rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trần Văn Ng mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh Ng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án không có lý do.

Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phương Thị Th (vợ anh Trần Văn Ng) vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th có quan điểm xác nhận gia đình chị có xưởng mộc còn việc anh Đàm Văn Kh và chồng chị là anh Trần Văn Ng có mối quan hệ làm ăn mua bán và có mấy lần anh Kh vào nhà chị để hỏi tiền hàng còn nội dung cụ thể chị không được biết, vì vậy chị đề nghị Tòa án làm việc cụ thể với chồng chị là anh Trần Văn Ng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Văn Kh, buộc anh Trần Văn Ng, chị Phương Thị Th phải thanh toán cho anh Đàm Văn Kh số tiền hàng đã mua chưa trả là 245.873.000 đồng. Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy anh Trần Văn Ng với anh Đàm Văn Kh có mua bán gỗ với nhau nhưng anh Ng không có đăng ký kinh doanh do vậy đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn Ng vắng mặt không có lý do nhưng anh Ng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị Phương Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng, chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Theo văn bản được ký kết giữa anh Đàm Văn Kh và anh Trần Văn Ng thì hai bên đã thống nhất mua bán gỗ và gỗ sơ chế thành phẩm với nhau. Hai bên thoả thuận lấy hàng chuyến sau trả tiền chuyến trước và cuối năm chốt sổ với số tiền hàng cụ thể: Nợ cũ 2020 còn lại là 122.537.000 đồng, ngày 28/01/2021 mua vanh là 120.986.000 đồng + 7.812.000 đồng + 5.513.000 đồng. Ngày 20/6/2021 mua vanh 7.293.000 đồng + 79.625.000 đồng + 63.037.000 đồng. Ngày 11/10/2021 mua hàng giá trị 7.022.000 đồng. Ngày 25/11/2021 mua hàng giá trị 6.048.000 đồng. Những lần mua hàng này có chữ ký của anh Trần Văn Ng giá trị là 419.873.000 đồng. Ngày 27/11/2021 mua hàng giá trị 18.410.000 đồng, ngày 05/12/2021 mua hàng gỗ hộp giá trị 4.906.000 đồng + 3.390.000 đồng + 2.031.000 đồng, những lần mua hàng này không có chữ ký của anh Trần Văn Ng có giá trị là 28.737.000 đồng. Anh Ng đã trả anh Kh được 06 lần, cụ thể như sau: Ngày 28/01/2021 trả số tiền là 50.000.000 đồng, ngày 30/5/2021 trả số tiền là 30.000.000 đồng, ngày 19/6/2021 trả số tiền 1.000.000 đồng, ngày 20/6/2021 trả số tiền 50.000.000 đồng, ngày 11/10/2021 trả số tiền 13.000.000 đồng, ngày 25/11/2021 trả số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là: 174.000.000 đồng còn nợ lại là

274.000.000 đồng. Nay anh Đàm Văn Kh yêu cầu vợ chồng anh Trần Văn Ng, chị Phương Thị Th phải trả cho anh Kh số tiền mua hàng còn nợ là 245.873.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) và không yêu cầu tính lãi. Đối với những lần mua hàng không có chữ ký của anh Trần Văn Ng có giá trị là 28.737.000 đồng anh Kh không yêu cầu anh Ng, chị Th phải trả số tiền nợ này. Mặc dù bị đơn anh Trần Văn Ng đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Ng vẫn cố tình vắng mặt không đến Toà án làm việc. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phương Thị Th có quan điểm chị xác nhận gia đình chị có xưởng mộc còn việc anh Đàm Văn Kh và chồng chị là anh Trần Văn Ng có mối quan hệ làm ăn mua bán gỗ và có mấy lần anh Kh vào nhà chị để hỏi tiền hàng còn nội dung cụ thể chị không được biết, vì vậy chị đề nghị Tòa án làm việc cụ thể với chồng chị là anh Trần Văn Ng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền còn nợ lại tổng cộng là 419.873.000 đồng và số tiền đã trả là 174.000.000 đồng có chữ ký của bị đơn anh Trần Văn Ng nên yêu cầu của anh Đàm Văn Kh đòi số tiền hàng còn nợ là 245.873.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Việc sản xuất kinh doanh của xưởng gỗ của anh Trần Văn Ng là phục vụ mục đích sản xuất phát triển kinh tế chung cho gia đình vợ chồng anh Trần Văn Ng, chị Phương Thị Th vì vậy mặc dù chị Phương Thị Th xác định không liên quan tới việc mua bán gỗ giữa anh Đàm Văn Kh và anh Trần Văn Ng thì chị Th vẫn phải có trách nhiệm cùng với anh Trần Văn Ng để trả nợ số tiền hàng đã mua cho anh Đàm Văn Kh.

[5] Về lãi suất: Tại phiên toà anh Đàm Văn Kh không yêu cầu tính lãi suất vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho anh Đàm Văn Kh đã nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 433, 440, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Văn Kh.

2. Buộc anh Trần Văn Ng, chị Phương Thị Th phải thanh toán cho anh Đàm Văn Kh số tiền còn nợ lại là 245.873.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Đàm Văn Kh có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn Ng, chị Phương Thị Th chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Văn Ng, chị Phương Thị Th phải nộp 12.293.650 đồng (Mười hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm lăm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả anh Đàm Văn Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000789 ngày 19/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.